| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3-VĨNH LONG**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:74/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06/5/2026
*"V/v Tranh chấp Ly hôn"*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm*** *gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lệ Thắm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lương Phi Hùng;

Bà Ngô Thị Thanh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Kim Ngọc Phát – Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 3-Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 3-Vĩnh Long:*** Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 3-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 205/2026/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2026 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Hồng T**, sinh năm 1970 – Có mặt;

Địa chỉ: Tổ G, Khóm D, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

*2. Bị đơn:* Anh **Phạm Tuyết H**, sinh năm 1964 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ G, Khóm D, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 4 năm 2026, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng T trình bày:* Chị Lê Thị Hồng T và anh Phạm Tuyết H do quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo đúng qui định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường T (nay là UBND phường B) được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24/2016 ngày 07/4/2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung tên: Phạm Thị Hồng P, sinh ngày 29/11/1989; Phạm Thị Ngọc T1, sinh ngày 13/7/1993 và Phạm Thị Ngọc V, sinh ngày 13/12/1994 đã trưởng thành. Mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị Lê Thị Hồng T yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 3-Vĩnh Long giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng T yêu cầu ly hôn anh Phạm Tuyết H, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ G, Khóm D, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

- Về con chung: 03 người con chung tên Phạm Thị Hồng P, sinh ngày 29/11/1989; Phạm Thị Ngọc T1, sinh ngày 13/7/1993 và Phạm Thị Ngọc V, sinh ngày 13/12/1994 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Bị đơn là anh Phạm Tuyết H trình bày:* Anh Phạm Tuyết H và chị Lê Thị Hồng T do quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo đúng qui định của pháp tại Ủy ban nhân dân phường T (nay là UBND phường B) được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24/2016 ngày 07/4/2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung tên: Phạm Thị Hồng P, sinh ngày 29/11/1989; Phạm Thị Ngọc T1, sinh ngày 13/7/1993 và Phạm Thị Ngọc V, sinh ngày 13/12/1994 đã trưởng thành. Nay chị Lê Thị Hồng T yêu cầu ly hôn thì anh Phạm Tuyết H có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh Phạm Tuyết H đồng ý yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hồng T.

- Về con chung: 03 người con chung tên: Phạm Thị Hồng P, sinh ngày 29/11/1989; Phạm Thị Ngọc T1, sinh ngày 13/7/1993 và Phạm Thị Ngọc V, sinh ngày 13/12/1994 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Do bận công việc gia đình nên anh Phạm Tuyết H xin vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải. Anh H xin vắng mặt tại phiên toà xét xử sơ thẩm và cam kết không có bất cứ khiếu nại gì về sau.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Nguyên đơn là chị Lê Thị Hồng T trình bày:* Chị T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ban đầu.

+ Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng T yêu cầu ly hôn anh Phạm Tuyết H, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ G, Khóm D, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

+ Về con chung: 03 người con chung tên Phạm Thị Hồng P, sinh ngày 29/11/1989; Phạm Thị Ngọc T1, sinh ngày 13/7/1993 và Phạm Thị Ngọc V, sinh ngày 13/12/1994 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Bị đơn trình bày:* Xin vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Bị đơn có đăng ký thường trú tại phường B, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3-Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Phạm Tuyết H có đơn xin vắng mặt tại phiên toà xét xử sơ thẩm. Do đó, căn cứ theo khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa chị Lê Thị Hồng T và anh Phạm Tuyết H được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Đã là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Trong cuộc sống hôn nhân của chị Lê Thị Hồng T và anh Phạm Tuyết H đã xảy ra sự việc vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cự cãi làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Đồng thời anh Phạm Tuyết H cũng đồng ý yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hồng T. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Hồng T và anh Phạm Tuyết H là phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: 03 người con chung tên Phạm Thị Hồng P, sinh ngày 29/11/1989; Phạm Thị Ngọc T1, sinh ngày 13/7/1993 và Phạm Thị Ngọc V, sinh ngày 13/12/1994 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Hồng T và anh Phạm Tuyết H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lê Thị Hồng T là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 35, 39 và Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 19 và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng T và anh Phạm Tuyết H thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: 03 người con chung tên Phạm Thị Hồng P, sinh ngày 29/11/1989; Phạm Thị Ngọc T1, sinh ngày 13/7/1993 và Phạm Thị Ngọc V, sinh ngày 13/12/1994 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Hồng T và anh Phạm Tuyết H không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Hồng T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị Lê Thị Hồng T được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án đã nộp theo biên lai thu số 0006528 ngày 09/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Vậy chị Lê Thị Hồng T đã nộp xong án phí.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND TXBM: 01
- Phòng THADS KV3: 01
- Ủy ban phường Bình Minh: 01
- Đương sự: 02
- Lưu: 04

**Nguyễn Thị Lệ Thắm**